

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2022/DS- ST

Ngày: 09/9/2022

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diễm Hương;
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Bà Nguyễn Thị Bạ;
 2. Bà Nguyễn Thị Tạc;
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn- Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Lễ- Kiểm sát viên;

Ngày 09 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2022/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 191/2022/QĐST- DS ngày 24 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần H;

Địa chỉ: Đường N, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiên T, sinh năm 1987; ông Đào Ngọc T, sinh năm 1987; ông Lê Đăng H, sinh năm 1990 (Vắng mặt- Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Đường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng;

Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1955 (Vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố A, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Anh K, sinh năm 1996 (Vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố A, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

2. Ban quản lý chợ B;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thanh T- Trưởng ban quản lý chợ B (Vắng mặt);

Địa chỉ: Đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Lê Đăng H trình bày có nội dung:

Ngày 26/01/2018 Ngân hàng thương mại cổ phần H và ông Lê Văn L có ký kết Hợp đồng cho vay số 126/01/2018/HĐTD ngày 26/01/2018, nội dung: Ngân hàng thương mại cổ phần H có cho ông Lê Văn L vay số tiền 100.000.000đ; mục đích vay phục vụ nhu cầu đời sống, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay kể từ ngày giải ngân đầu tiên cho đến ngày 26/01/2019 là 27,74%/năm (cơ sở tính 1 năm 360 ngày) tương đương với lãi suất theo tỷ lệ %/năm (Một năm 365 ngày) là $(27,74\%/năm : 360) \times 365 \text{ ngày} = 28,12\%/năm$. Lãi suất cho vay cố định, không điều chỉnh suốt thời gian cho vay. Để đảm bảo cho khoản vay trên thì ông Lê Văn L có thể chấp cho ngân hàng quyền tài sản là quyền sở hữu/sử dụng địa điểm kinh doanh: Sạp chợ/Kiot: 28A + 26B khu B; Chợ T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Chứng từ chứng minh quyền tài sản là: 01 hợp đồng cho thuê địa điểm kinh doanh tại chợ T số: 48/QA/HĐĐKD và 01 hợp đồng cho thuê địa điểm kinh doanh tại chợ T số: 46/QA/HĐĐKD.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lê Văn L đã trả được 14.819.685đ nợ gốc và 4.456.081đ tiền lãi trong hạn, 48.519đ lãi quá hạn. Đến nay mặc dù đã quá hạn thanh toán khoản nợ trên nhưng ông Lê Văn L vẫn không thanh toán nợ gốc và lãi cho ngân hàng.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn L phải trả cho ngân hàng các khoản nợ sau: Nợ gốc: 85.180.315đ, nợ lãi trong hạn: 107.049.700đ, nợ lãi quá hạn: 47.497.456đ; tổng cộng gốc và lãi là: 239.727.471đ (Lãi tạm tính đến hết ngày 09/9/2022). Kể từ ngày 10/9/2022, ông Lê Văn L còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc còn lại cho đến khi tất toán khoản vay.

Trường hợp ông L không trả được nợ cho ngân hàng thì ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền tài sản là quyền sở hữu/sử dụng địa điểm kinh doanh: Sạp chợ/Kiot: 28A + 26B khu B; Chợ T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để thu hồi nợ.

Khi ký hợp đồng vay tài sản với ngân hàng thì ông L có thể chấp 02 hợp đồng cho thuê địa điểm kinh doanh tại sạp số 28A và 26B tại khu chợ B chợ T, thành phố B. Thực tế lô chợ 26B gia đình ông L đang kinh doanh quần áo, nhưng trên hợp đồng đứng tên ông Lê Anh K là con trai của ông L nên ông L có đưa hợp đồng thuê địa điểm của anh K để thế chấp vay ngân hàng. Người trực tiếp ký hợp đồng vay và nhận tiền là ông L, ông K không có liên quan gì; do đó ngân hàng chỉ khởi kiện cá nhân ông L phải trả khoản tiền nợ trên cho ngân hàng. Hiện nay các hợp đồng thuê địa điểm kinh doanh của ông Lê Văn L và ông Lê Anh K đã hết hạn thuê, ban quản lý chợ đã thu hồi địa điểm kinh doanh trên và hiện nay đang cho người khác thuê thì ngân hàng không có ý kiến gì; đề nghị Tòa án giải quyết hợp đồng thế chấp theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng Dân sự;

Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và qua việc tranh tụng tại phiên tòa đã có đủ cơ sở để xác định: Ngày 26/01/2018 ông Lê Văn L có ký kết Hợp đồng cho vay số 126/01/2018/HĐTD ngày 26/01/2018 để vay Ngân hàng thương mại cổ phần H số tiền 100.000.000đ; mục đích vay phục vụ nhu cầu đời sống, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay kể từ ngày giải ngân đầu tiên cho đến ngày 26/01/2019 là 27,74%/năm (cơ sở tính 1 năm 360 ngày) tương đương với lãi suất theo tỷ lệ %/năm (Một năm 365 ngày) là $(27,74\%/năm: 360) \times 365 \text{ ngày} = 28,12\%/năm$. Để đảm bảo cho khoản vay trên thì Ông Lê Văn L có thế chấp cho ngân hàng quyền tài sản là quyền sở hữu/sử dụng địa điểm kinh doanh: Sạp chợ/Kiot: 28A + 26B khu B; Chợ T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Chứng từ chứng minh quyền tài sản là: 01 hợp đồng cho thuê địa điểm kinh doanh tại chợ T số: 48/QA/HĐĐKD và 01 hợp đồng cho thuê địa điểm kinh doanh tại chợ T số: 46/QA/HĐĐKD. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lê Văn L chỉ mới trả được cho Ngân hàng 14.819.685đ nợ gốc và 4.456.081đ tiền lãi trong hạn, 48.519đ lãi quá hạn. Đến nay mặc dù đã quá hạn thanh toán khoản nợ trên nhưng ông Lê Văn L vẫn không thanh toán nợ gốc và lãi cho ngân hàng do đó ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn L trả toàn bộ nợ gốc và lãi còn lại là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền kinh doanh địa điểm Sạp chợ/Kiot: 28A + 26B khu B tại Chợ T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để thu hồi nợ trong trường hợp ông Lê Văn L không trả được nợ. Xét thấy hiện nay ông Lê Văn L không còn quyền kinh doanh tại

địa điểm sạp chợ 26B (26C) và 28A (28B) tại chợ T, ông L cũng không có bất cứ tài sản gì tại quầy sạp trên; do đó yêu cầu của ngân hàng là không có cơ sở;

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91; Điều 94 của Luật tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết số 326/NQ- UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần H; buộc bị đơn ông Lê Văn L phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần H số tiền nợ gốc: 85.180.315đ, nợ lãi trong hạn: 107.049.700đ, nợ lãi quá hạn: 47.497.456đ; tổng cộng gốc và lãi là: 239.727.471đ (Lãi tạm tính đến hết ngày 09/9/2022) ông Lê Văn L còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc còn lại kể từ ngày 10/9/2022 cho đến khi tất toán khoản vay.

Bác một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền tài sản là quyền sở hữu/sử dụng địa điểm kinh doanh: Sạp chợ/Kiot: 28A + 26B khu B; Chợ T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[3] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào nội dung Hợp đồng cho vay số 126/01/2018/HĐTD ngày 26/01/2018 ký kết giữa Ông Lê Văn L và Ngân hàng thương mại cổ phần H, ông Lê Văn L có vay ngân hàng số tiền 100.000.000đ; mục đích vay phục vụ nhu cầu đời sống, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay kể từ ngày giải ngân đầu tiên cho đến ngày 26/01/2019 là 27,74%/năm (cơ sở tính 1 năm 360 ngày) tương đương với lãi suất theo tỷ lệ %/năm (Một năm 365 ngày) là $(27,74\%/năm: 360) \times 365 \text{ ngày} = 28,12\%/năm$. Để đảm bảo cho khoản vay trên thì Ông Lê Văn L có thế chấp cho ngân hàng quyền tài sản là quyền sở hữu/sử dụng địa điểm kinh doanh: Sạp chợ/Kiot: 28A + 26B khu B; Chợ T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Chứng từ chứng minh quyền tài sản là: 01 hợp đồng cho thuê địa

điểm kinh doanh tại chợ T số: 48/QA/HĐĐKD và 01 hợp đồng cho thuê địa điểm kinh doanh tại chợ T số: 46/QA/HĐĐKD. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ông Lê Văn L chỉ mới trả được cho Ngân hàng 14.819.685đ nợ gốc và 4.456.081đ tiền lãi trong hạn, 48.519đ lãi quá hạn. Đến nay mặc dù đã quá hạn thanh toán khoản nợ trên nhưng ông Lê Văn L vẫn chưa thanh toán cho ngân hàng các khoản nợ sau: Nợ gốc: 85.180.315đ, nợ lãi trong hạn: 107.049.700đ, nợ lãi quá hạn: 47.497.456đ; tổng cộng gốc và lãi là: 239.727.471đ (Lãi tạm tính đến hết ngày 09/9/2022); Do đó ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn L trả toàn bộ nợ gốc và lãi còn lại; đồng thời phải tiếp tục trả lãi suất phát sinh từ ngày 10/9/2022 cho đến khi trả xong nợ gốc. Trường hợp ông L không trả được nợ cho ngân hàng thì ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền sở hữu/sử dụng địa điểm kinh doanh: Sạp chợ/Kiot: 28A + 26B khu B; Chợ T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để thu hồi nợ.

Tòa án đã ra thông báo tìm kiếm Ông Lê Văn L trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật; đồng thời ra Quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của Ông Lê Văn L trong hợp đồng tín dụng số 12601/2018/HĐTD và khế ước nhận nợ số 126/2018/KUNN- ngày 26/01/2018 so với chữ ký, chữ viết tên Lê Văn L trong Hợp đồng cho thuê địa điểm kinh doanh tại chợ T đề ngày 20/4/2016; Phụ kiện hợp đồng thuê địa điểm kinh doanh tại chợ T đề ngày 03/01/2017. Tại kết luận giám định số 39/KL- KTHS ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Lê Văn L trong các tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Văn L trong các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã có thông báo cho bị đơn nhưng bị đơn ông Lê Văn L vẫn không có ý kiến phản bác về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xác định ông Lê Văn L có ký kết Hợp đồng cho vay số 126/01/2018/HĐTD ngày 26/01/2018 với Ngân hàng thương mại cổ phần H để vay số tiền 100.000.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lê Văn L chỉ mới trả được cho Ngân hàng 14.819.685đ nợ gốc và 4.456.081đ tiền lãi trong hạn, 48.519đ lãi quá hạn. Đến nay mặc dù đã quá hạn thanh toán khoản nợ trên nhưng ông Lê Văn L vẫn chưa thanh toán cho ngân hàng các khoản nợ sau: Nợ gốc: 85.180.315đ, nợ lãi trong hạn: 107.049.700đ, nợ lãi quá hạn: 47.497.456đ; tổng cộng gốc và lãi là: 239.727.471đ (Lãi tạm tính đến hết ngày 09/9/2022); Do đó ngân hàng khởi kiện yêu cầu Ông Lê Văn L trả toàn bộ nợ gốc và lãi còn lại; đồng thời phải tiếp tục trả lãi suất phát sinh từ ngày 10/9/2022 cho đến khi trả xong nợ gốc là có cơ sở chấp nhận;

Để đảm bảo cho khoản vay trên thì ông Lê Văn L có thể chấp cho ngân hàng quyền tài sản là quyền sở hữu/sử dụng địa điểm kinh doanh: Sạp chợ/Kiot: 28A + 26B khu B; Chợ T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Chứng từ chứng minh

quyền tài sản là: 01 hợp đồng cho thuê địa điểm kinh doanh tại chợ T số: 48/QA/HĐĐKD và 01 hợp đồng cho thuê địa điểm kinh doanh tại chợ T số: 46/QA/HĐĐKD;

Xét thấy, hợp đồng cho thuê địa điểm kinh doanh tại chợ T số: 48/QA/HĐĐKD với sạp chợ 28A đứng tên chủ hộ là Ông Lê Văn L và 01 hợp đồng cho thuê địa điểm kinh doanh tại chợ T số: 46/QA/HĐĐKD với sạp chợ 26B đứng tên chủ hộ là ông Lê Anh K; do đó ông Lê Văn L thế chấp toàn bộ 02 quyền sử dụng địa điểm kinh doanh trên cho ngân hàng là không đúng quy định của pháp luật. Quá trình thuê địa điểm kinh doanh Ông Lê Văn L bỏ địa điểm kinh doanh và không thanh toán các khoản tiền phí với Ban quản lý chợ, do đó Ban quản lý chợ Buôn Ma Thuột đã thu hồi các địa điểm kinh doanh trên tại thông báo số 24/TB- QLC ngày 26/11/2018 và thông báo số 28/TB- QLC ngày 26/11/2018. Như vậy hiện nay Ông Lê Văn L không còn quyền kinh doanh tại sạp chợ/Kiot: 28A (28B) + 26B (26C) khu B; Chợ T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và cũng không có bất cứ tài sản gì tại quầy sạp trên. Do đó ngân hàng khởi kiện yêu cầu được cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền kinh doanh địa điểm Sạp chợ/Kiot: 28A + 26B khu B tại Chợ T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để thu hồi nợ trong trường hợp ông Lê Văn L không trả được nợ là không có cơ sở chấp nhận;

[4] Về chi phí thông báo nhấn tin, chi phí giám định, thẩm định tại chỗ:

Do yêu cầu khởi kiện đòi nợ của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Văn L phải chịu 5.670.000đ (*Năm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*) chi phí giám định chữ ký, chữ viết và 2.425.000đ (*Hai triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) chi phí đăng thông báo nhấn tin trên phương tiện thông tin đại chúng. Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần H đã nộp 5.670.000đ tiền tạm ứng chi phí giám định chữ ký, chữ viết và 2.425.000đ tạm ứng chi phí đăng thông báo nhấn tin trên phương tiện thông tin đại chúng. Do đó nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần H được nhận lại 5.670.000đ (*Năm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng chi phí giám định chữ ký, chữ viết và 2.425.000đ (*Hai triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng chi phí đăng thông báo nhấn tin trên phương tiện thông tin đại chúng sau khi Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thu được của ông Lê Văn L;

Do yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần H phải chịu 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; Ngân hàng thương mại cổ phần H đã nộp đủ số tiền này;

[5] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện đòi nợ của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể án phí là: $239.727.471đ \times 5\% = 11.986.373đ$, làm tròn 11.986.000đ.

Yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Điều 91; Điều 94 của Luật Các tổ chức tín dụng;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần H;

Buộc bị đơn ông Lê Văn L có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần H số tiền nợ gồm: Nợ gốc: 85.180.315đ, nợ lãi trong hạn: 107.049.700đ, nợ lãi quá hạn: 47.497.456đ; tổng cộng gốc và lãi là: 239.727.471đ (Lãi tạm tính đến hết ngày 09/9/2022). Ông Lê Văn L còn phải chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 10/9/2022 đến khi trả xong khoản tiền nợ gốc. Lãi suất được tính theo quy định tại Hợp đồng cho vay số 126/01/2018/HĐTD ngày 26/01/2018 ký kết giữa ông Lê Văn L và Ngân hàng thương mại cổ phần H;

Bác một phần yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần H về việc được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền tài sản là quyền sở hữu/sử dụng địa điểm kinh doanh: Sạp chợ/Kiot: 28A + 26B khu B; Chợ T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn ông Lê Văn L không trả được nợ cho ngân hàng;

Ngân hàng thương mại cổ phần H có trách nhiệm trả lại cho ông Lê Văn L 01 Hợp đồng cho thuê địa điểm kinh doanh số: 48/QA/HĐĐKD và 01 hợp đồng cho thuê địa điểm kinh doanh số: 46/QA/HĐĐKD (Bản chính);

Về chi phí thông báo nhấn tin, chi phí giám định, thẩm định tại chỗ:

Ông Lê Văn L phải chịu 5.670.000đ (Năm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) chi phí giám định chữ ký, chữ viết và 2.425.000đ (Hai triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) chi phí đăng thông báo nhấn tin trên phương tiện thông tin đại chúng. Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần H đã nộp 5.670.000đ tiền tạm ứng chi phí giám định chữ ký, chữ viết và 2.425.000đ tạm ứng chi phí

đăng thông báo nhấn tin trên phương tiện thông tin đại chúng. Do đó nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần H được nhận lại 5.670.000đ (*Năm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng chi phí giám định chữ ký, chữ viết và 2.425.000đ (*Hai triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng chi phí đăng thông báo nhấn tin trên phương tiện thông tin đại chúng sau khi Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thu được của ông Lê Văn L;

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần H phải chịu 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; Ngân hàng thương mại cổ phần H đã nộp đủ số tiền này;

Về án phí:

Bị đơn Ông Lê Văn L phải chịu 11.986.000đ (*Mười một triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền 4.285.000đ tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng thương mại cổ phần H đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0018757 ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; Ngân hàng thương mại cổ phần H được nhận lại 3.985.000đ (*Ba triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí thừa tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- Thi hành án dân sự TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thị Diễm Hương